

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2021/HS-PT

Ngày: 18-8-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chung, ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 143/2021/TLHS-PT, ngày 19/5/2021. Do Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST, ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, bị kháng cáo.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Quang D**; sinh năm 1989 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Quang C và bà Lê Thị Đp; có vợ là Nhan Thị H, bị cáo chưa có con;

Tiền án: Tại bản án số 145/2015/HSST, ngày 08/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm tính từ ngày tuyên án; tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Huy H – Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

Địa chỉ: phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đức S; trú tại: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đức D; trú tại: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.
- Ông Nguyễn Quang C; trú tại: Thôn B, xã E, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Trương Văn K; trú tại: Thị trấn P, huyện P, Gia Lai - vắng mặt.
- Bà Võ Thị T; trú tại: Làng K, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai - vắng mặt.
- Ông Đỗ Việt Đ; trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo khác, nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo Phàng Thị Q; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.
- Bị cáo Hà Thị N; trú tại: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo diễn biến tại phiên tòa và nội dung bản án hình sự sơ thẩm như sau:

Ngày 14/01/2020, Hà Thị N đến xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk gặp Đỗ Việt Đ đề Đức dẫn đi tìm mua gỗ vườn, tại thôn 10B, xã C, huyện E. Sau khi được Đ đưa đi xem một số vườn cây gỗ téch nhưng do cây còn nhỏ nên N không mua, khi đi về qua rẫy của Phàng Thị Q (đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BP 4350XX) thì N thấy trong rẫy có nhiều cây gỗ lớn nên tìm gặp Q hỏi mua thì Q đồng ý. Hai bên thỏa thuận mua bán 05 cây gỗ với giá 40.000.000 đồng, Q có trách nhiệm ủy quyền cho N cắt hạ (giấy ủy quyền do N viết nội dung cắt hạ “Cây trên nương rẫy” đề ngày 16/01/2020, không có xác nhận của chính quyền địa phương). Sau khi thỏa thuận mua bán xong, N đến quán cà phê ven đường thuê nhóm thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) cắt hạ, cưa thành từng lóng và kéo về tập kết ở khu vực rẫy của Nguyễn Quang D tại thôn C, xã E, huyện E với giá trọn gói là 10.000.000 đồng.

Ngày 24/02/2020, N đăng bán gỗ trên Facebook và điện thoại cho bà Võ Thị T, trú tại làng K, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai để bán gỗ và nhờ bà T giới thiệu xưởng gỗ ở tỉnh Tây Ninh có nhu cầu mua gỗ, bà T hỏi N “Gỗ có hồ sơ nguồn gốc hợp pháp không, có thì họ mới mua” N trả lời “Gỗ có hồ sơ đầy đủ” nên bà T đã cung cấp cho N số điện thoại của người đàn ông tên Tr (không rõ nhân thân, lai lịch) để trực tiếp liên lạc, thỏa thuận giá cả, nếu bán được gỗ thì N phải trích lại tiền hoa hồng cho bà T. Sau đó, N gọi điện cho Tr và Tr cho N số điện thoại người đàn ông (không rõ lai lịch) để N thống nhất việc mua, bán gỗ. Sau khi N thỏa thuận việc mua bán gỗ với người đàn ông này xong, khoảng 08 giờ ngày 25/02/2020 N thuê xe ô tô 77C-068.XX do Nguyễn Đức S điều khiển nhận vận chuyển gỗ, có phụ xe Trương Văn K sinh năm 1993 đi cùng; giá vận chuyển là 10.500.000 đồng giao hàng xong mới thanh toán chi phí vận chuyển. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì tiến hành cẩu gỗ, bốc xếp lên xe tải đến 21 giờ cùng ngày thì xong, sau đó N đưa bộ hồ sơ gỗ vườn cho S (với mục đích khi giao gỗ nếu người mua hỏi thì giao hồ sơ gỗ) và đưa bà T

số điện thoại liên lạc cho S. Khi Nguyễn Đức S điều khiển xe ô tô số 77C-068.XX vận chuyển gỗ đến thôn B, xã E, huyện E thì bị lực lượng Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt giữ.

- Hành vi tàng trữ trái phép lâm sản (gỗ)

Trên đường về đi ngang qua rẫy của D, N thấy bãi đất trống có thể tập kết gỗ sau khi chặt hạ được, nên N đã nhờ Đỗ Việt Đ sinh năm 1990 trú tại thôn A, xã E, huyện E (N đã quen trước đó) là bạn thân của D nói với D cho N gửi gỗ vườn tại vườn điều của D gần lô cao su N tập kết gỗ, khi nào bán được gỗ thì N sẽ trả tiền thuê mượn bãi thì được D đồng ý cho N gửi gỗ. Ngày 16/01/2020, N thuê nhóm thanh niên trên khai thác, chặt hạ 05 cây gỗ nêu trên, cưa thành từng lóng và kéo về tập kết tại rẫy của D. Do gần đến Tết Nguyên đán Canh Tý 2020, N không tìm được người mua gỗ, nên N tiếp tục nói lại với D cho gửi gỗ qua Tết mới bốc gỗ đi được và thỏa thuận với D sau khi bán được gỗ sẽ trả tiền thuê bãi. Nguyễn Quang D với động cơ vụ lợi và tin tưởng bạn Đỗ Việt Đ, mặc dù không kiểm tra nguồn gốc gỗ và biết gỗ không có hồ sơ hợp pháp nhưng vẫn đồng ý tàng trữ và trông coi bảo quản cho Hà Thị N với khối lượng là **25,175 m³** sau đó bị Cơ quan Công an phát hiện thu giữ lúc Nguyễn Đức S vận chuyển đi tiêu thụ là 24 lóng gỗ tròn với tổng khối lượng 18,552 m³; thu giữ tại rẫy của D khi khám nghiệm hiện trường 22 lóng gỗ tròn với tổng khối lượng 6,623 m³ đều là loại gỗ thông thường từ Nhóm II - VI phù hợp với kết quả giám định khối lượng, loại 05 cây gỗ do Phàng Thị Q bán cho Hà Thị N là 23,96 m³ gỗ không phù hợp 1,215 m³.

Tại Kết luận giám định ngày 12/3/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk và Khoa Nông lâm nghiệp - Trường Đại học Tây Nguyên xác định: Số lượng gỗ được vận chuyển trên thùng xe ô tô tải biển số 77C-068.57 gồm 24 lóng gỗ tròn với tổng khối lượng 18,552 m³, chủng loại từ Nhóm II – VI. Toàn bộ 24 lóng gỗ tròn nêu trên đều không có dấu búa Kiểm lâm.

Số lượng gỗ được tạm giữ tại hiện trường là rẫy của D sau này đưa về bảo quản tại Trạm Kiểm lâm địa bàn liên xã Cư Một (thuộc Hạt Kiểm lâm huyện Ea H'Leo) gồm 22 lóng gỗ với tổng khối lượng 6,623 m³, chủng loại từ Nhóm II - VI. Toàn bộ số lượng gỗ nêu trên đều không có dấu búa Kiểm lâm.

Kết luận giám định ngày 07/4/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk và Khoa Nông lâm nghiệp - Trường Đại học Tây Nguyên xác định được tọa độ, chủng loại gỗ: Gốc số 01 có tọa độ: 0448.629-1462.492, chủng loại Mít nài - Nhóm VI (gốc cây chia thành 03 thân có đường kính bình quân từ 39 - 70 cm); Gốc số 02 có tọa độ: 0448.622-1462.496 chủng loại Lòng mang - Nhóm VI, đường kính bình quân 35 cm; Gốc số 03 có tọa độ: 0448.625-1462.502, chủng loại Lòng mang - Nhóm VI, đường kính bình quân 90 cm; Gốc số 04 có tọa độ: 0448.613-1462.507, chủng loại Lòng mang - Nhóm VI, đường kính bình quân 105 cm; Gốc số 05 có tọa độ: 0448.645-1462.493, chủng loại Sao - Nhóm II, đường kính bình quân 45 cm. Tại thời điểm giám định, hiện trường của 05 cây gỗ nêu trên chỉ còn lại gốc, cành, lá, không còn thân cây nên không xác định được đường kính và chiều dài của cây để tính được khối lượng cây gỗ đã bị chặt hạ. Đối chiếu với bản đồ kiểm kê rừng năm 2014 và Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND huyện E về việc

phê duyệt số liệu diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn huyện (có đến ngày 31/12/2019) thì vị trí 05 gốc cây gỗ tự nhiên nêu trên mọc trên đất nông nghiệp, nằm ngoài quy hoạch 03 loại rừng, thuộc địa giới hành chính thuộc Thôn B, xã C, huyện E.

Qua điều tra Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E, xác định: GCNQSDĐ số BP 4350XX do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 30/11/2015 cho hộ ông Phàng Văn Ph và bà La Thị H đến ngày 07/8/2019 đăng ký để thừa kế lại cho Phàng Thị Q; không thể hiện có đăng ký cấp tài sản khác gắn liền với đất đối với 05 cây gỗ nêu trên.

Xác định vị trí tọa độ của 05 gốc cây gỗ bị khai thác được mọc trên đất sông suối và thuộc địa giới hành chính xã C quản lý, nằm ngoài phần diện tích đất được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 4350XX của Phàng Thị Q.

Vị trí thửa đất rẫy mà Nguyễn Quang D để cho Hà Thị N tập kết gỗ đã được UBND huyện E cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 3274XX ngày 25/11/2013 mang tên Nguyễn Quang C và Lê Thị Đ (bố mẹ của D), Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đang tồn đọng, thửa đất số 24, tờ bản đồ số 82, diện tích 20.317,5 m² ở xã E, huyện E.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1170/KLĐG-HĐĐGTS ngày 06/5/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: Giá trị của 24 lóng gỗ tròn với tổng khối lượng 18,552 m³, chủng loại từ nhóm II - VI (được vận chuyển trên thùng xe ô tô tải biển số 77C-068.57, đang được tạm giữ tại Hạt Kiểm lâm huyện Ea H'leo) là 95.820.000 đồng; Giá trị của 22 lóng gỗ tròn với tổng khối lượng 6,623 m³, chủng loại từ Nhóm II - VI (được tạm giữ tại rẫy của Nguyễn Quang D thuộc thôn 2c, xã E, huyện E, đang được quản lý, bảo quản tại Trạm Kiểm lâm địa bàn liên xã Cư Mốt) là 46.928.000 đồng; Tổng giá trị lâm sản 25,175 m³ từ Nhóm II - VI là 142.748.000 đồng. Giá trị xe ô tô tải biển số 77C-068.57 là 638.000.000 đồng.

- Tại Kết luận giám định số 307/PC09 ngày 24/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định:

+ Chữ ký đứng tên Quách Cao Nguyên trong các tài liệu cần giám định với chữ kí đứng tên Quách Cao Nguyên trong tài liệu mẫu so sánh, do cùng một người kí ra.

+ Hình dấu tên “Quách Cao Nguyên” trong các tài liệu cần giám định với hình dấu tên “Quách Cao Nguyên” trong tài liệu mẫu so sánh, do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu chức danh “PHÓ CHỦ TỊCH” trong các tài liệu cần giám định với hình dấu chức danh “PHÓ CHỦ TỊCH” trong tài liệu mẫu so sánh, do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu tròn “★U.B.N.D XÃ CHU' HRENG TP KON TUM T.KON TUM” trong các tài liệu cần giám định với hình dấu tròn “★U.B.N.D XÃ CHU' HRENG TP KON TUM T.KON TUM” trong tài liệu mẫu so sánh, do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký đứng tên Mai Viết Đào trong các tài liệu cần giám định với chữ kí đứng tên Mai Viết Đào trong tài liệu mẫu so sánh, không phải do cùng một người kí ra (BL 70-71).

- Tại Kết luận giám định số 672/PC09 ngày 29/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định:

+ Chữ viết dạng số “1988”, “16”, “01”, “20”, chữ ký, chữ viết mang tên Hà Thị N trong tài liệu cần giám định (Đơn uỷ quyền khai thác “cây trên nương rẫy”) so với chữ ký, chữ viết do Hà Thị N ký và viết ra trong các tài liệu mẫu so sánh, là do cùng một người ký và viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Phàng Thị Q dưới mục người viết đơn trong tài liệu cần giám định (Đơn uỷ quyền khai thác “cây trên nương rẫy”) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phàng Thị Q trong các tài liệu mẫu so sánh, là do cùng một người ký và viết ra (BL 74-75).

Tổng khối lượng gỗ tạm giữ trong vụ án là 25,175 m³ gỗ thông thường từ Nhóm II - VI, trong đó: gỗ trên xe ô tô tải biển số 77C-068.57 là 18,552 m³; gỗ tạm giữ tại vườn rẫy của Nguyễn Quang D ở thôn 2C, xã E, huyện E là 6,623 m³ tổng khối lượng gỗ 23,96 m³ phù hợp Kết luận giám định và loại gỗ của 05 gốc cây do Phàng Thị Q thoả thuận bán cho Hà Thị N đối với thân cây, cành, lá tại thời điểm phát hiện không còn nên không xác định được đường kính và chiều dài của cây để tính được khối lượng cây gỗ đã bị chặt hạ.

Đối với hai loại gỗ Râm (Nhóm VI) = 0,34 m³ và gỗ Bời lời (Nhóm IV) = 0,875 m³ có khối lượng 1,215 m³ theo lời khai của Hà Thị N và Phàng Thị Q do các đối tượng lúc chặt hạ đã bóc vác nhằm không biết số gỗ này có nguồn gốc từ đâu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang D phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Áp dụng khoản điểm k, khoản 1, Điều 232 BLHS; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Bị cáo Nguyễn Quang D 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 65 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự về tổng hợp hình phạt, tại Bản án số 145/2015/HS-ST, ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo bị cáo Nguyễn Quang D bị xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội cô ý gây thương tích.

Buộc bị cáo Nguyễn Quang D chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 06 (sáu) tháng tù + 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 145/2015/HS-ST, ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện EaH'leo); Bị cáo phải chịu hình phạt chung cho hai bản án là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tính từ ngày tự nguyện hoặc bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án là Hà Thị N và Phàng Thị Q; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Quang D có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Quang D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo khai do rẫy của ông Chính (bố bị cáo) ở gần rẫy nhà Phàng Thị Q có khu đất trống nên N đã nhờ Đức là bạn của bị cáo hỏi mượn để gửi gỗ, do nề Đức là bạn nên bị cáo mới đồng ý và khi cho mượn bị cáo có hỏi về nguồn gốc gỗ gì, ở đâu, có giấy tờ không thì N và Đức nói gỗ mua ở vườn nhà ông Phàng Văn Pháng (bố của Q) có giấy tờ hợp pháp và chỉ cần gửi 3 ngày rồi chở đi. Từ khi N và Đức tập kết gỗ về rẫy bị cáo và gia đình không đến rẫy nên không biết loại gỗ gì, khối lượng bao nhiêu. Đến khi N chở gỗ đi bị bắt giữ thì bị cáo mới biết gỗ không hợp pháp. Nay bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và xử phạt 06 tháng tù, tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 145/2015/HS-ST, ngày 08/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm tù là không đúng pháp luật, nên bị cáo đã kháng cáo kêu oan đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm Phàng Thị Q khai: Vị trí 05 cây gỗ bà N khai thác nằm trong diện tích đất rẫy của ông Phàng Văn Pháng và bà La Thị Hương (bố mẹ bà) khai hoang từ năm 1987. Đến năm 2015, thửa đất trên được UBND huyện Ea H’leo cấp GCNQSD đất với diện tích 13,281,3 m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, trên đất có nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất. Sau khi khai hoang gia đình bị cáo đã trồng cây cà phê, tiêu, gỗ tẻch và nhiều loại cây khác. Quá trình sử dụng gia đình bị cáo đã chăm sóc, quản lý 05 cây gỗ trên, không có ai tranh chấp, không có cơ quan nào đến kiểm tra, quản lý. Năm 2019, do ông Pháng chết nên bà La Thị H không quản lý chăm sóc được nên đã làm thủ tục cho bị cáo được hưởng thừa kế toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất. Do 05 cây gỗ trên bị bọng, có nguy cơ gãy, đổ làm ảnh hưởng đến cây cà phê, tiêu nên khi nghe N hỏi mua bị cáo đã đồng ý bán với giá 40.000.000 đồng. Nay án sơ thẩm đã xử phạt bà 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và xác định vị trí đất và 05 cây gỗ trên thuộc quyền quản lý và sở hữu của UBND xã C, huyện E, mà không xem xét đến công sức quản lý, chăm sóc của gia đình bị cáo là không đúng pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quang D và cho rằng bị cáo cho N mượn đất để tập kết gỗ là tự nguyện, số gỗ N gửi bị cáo khi bị bắt giữ đã đủ khối lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự. Như vậy, án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm k, khoản 1, Điều 232 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Xét thấy, kháng cáo của bị cáo kêu oan là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên thiếu phần khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 15/10/2015 đến ngày 24/11/2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử bổ sung cho phù hợp. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Không đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bởi lẽ bị cáo D với anh Đỗ Việt Đ có quan hệ với nhau là bạn bè nên khi nghe Đức hỏi mượn khu đất trồng của ông Chính (bố bị cáo) để cho N tập kết gỗ, bị cáo có hỏi rõ Đ và N về nguồn gốc gỗ và lý do mượn đất thì N có nói là gỗ mua ở vườn nhà Q có giấy tờ nên chỉ mượn trong khoảng thời gian 03 ngày rồi chở đi nên bị cáo đã đồng ý cho mượn và không có thỏa thuận nhận tiền như án sơ thẩm đã nêu. Việc N chở gỗ đến gửi là gỗ gì, khối lượng bao nhiêu bị cáo không biết. Như vậy, bị cáo D không có hành vi khai thác, mua bán, tàng trữ gỗ; căn cứ vào Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự thì bị cáo D không phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk để điều tra làm rõ hành vi của bị cáo Nguyễn Quang D.

Kiểm sát viên tranh luận cho rằng: Luật sư bào chữa cho bị cáo D không phạm tội với lý do trên là không có căn cứ, bởi lẽ tại Điều 232 Bộ luật Hình sự không quy định về việc tàng trữ gỗ có lợi nhuận hay không và cũng không quy định về thời gian tàng trữ để làm căn cứ buộc tội. Đối với việc đất sử dụng để tàng trữ gỗ tuy là của ông C (bố của bị cáo), nhưng bị cáo thừa nhận bị cáo đang quản lý sử dụng đất trên và có quyền cho người khác thuê, gửi đồ nên Kiểm sát viên vẫn giữ vẫn giữ nguyên quan điểm đã nêu trên.

Bị cáo đồng ý với quan điểm bào chữa của người bào chữa và không tranh luận, bào chữa gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, tại cấp sơ thẩm việc điều tra, truy tố chưa được thực hiện đầy đủ, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

[1.1] Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Quang D:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo, bị cáo N và người làm chứng Đỗ Việt Đ đều khai, thấy rẫy nhà ông C (bố đẻ D) ở gần rẫy nhà Phàng Thị Q (vị trí 5 cây gỗ bị cắt hạ) có khu đất trồng nên N nhờ Đ hỏi D cho mượn để tập kết gỗ. Khi Đ hỏi mượn đất, D có hỏi gỗ ở đâu thì Đức có nói là gỗ của N mua ở vườn nhà Q và Q có giấy ủy quyền cho N cắt hạ và chỉ gửi mấy ngày rồi xe đến cầu đi nên D mới đồng ý cho mượn. Cấp sơ thẩm xác định hành vi của Nguyễn Quang D là “Tàng trữ trái phép lâm sản” nhưng chưa điều tra làm rõ động cơ, mục đích của D cho mượn hay cho thuê, có trả tiền hay không và trả tiền như thế nào? Thời gian N để gỗ trên đất của ông C thì D có trách nhiệm trông coi, quản lý số gỗ trên hay không? Khi gửi gỗ các bên có đo khối lượng, chủng loại, kiểm đếm và việc gửi gỗ trên ông C là bố của D và vợ của D có biết không? Khi sự việc bị phát hiện thì tại hiện trường là khu vực rẫy của gia đình D có 22 lóng gỗ với khối lượng trên 6m³; phát hiện trên xe ô tô do S đang vận chuyển trên 18m³, vậy số gỗ trên xe bị cáo

D và những người liên quan có thừa nhận, xác định là gỗ gửi ở rẫy của gia đình D không? Các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm chưa đối chất giữa các đối tượng trên mà chỉ dựa vào lời khai của N và Đ để buộc tội D là chưa phù hợp, cần điều tra làm rõ thêm.

[1.2] Căn cứ vào lời khai của Hà Thị N, Nguyễn Đức S và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Võ Thị T đã có hành vi giới thiệu, môi giới việc mua bán số lâm sản không hợp pháp nêu trên, nhằm mục đích kiếm tiền hoa hồng. Cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra xác minh, xử lý hành vi của bà T là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

[1.3] Căn cứ vào lời khai của Hà Thị N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định số người N đã thuê chặt hạ 5 cây gỗ có dấu hiệu đồng phạm với Hà Thị N nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra xác minh các đối tượng trên để xem xét, xử lý hình sự là bỏ lọt tội phạm.

[1.4] Cấp sơ thẩm chưa đối chiếu các tài liệu liên quan để làm rõ khối lượng gỗ thu giữ trong vụ án có đúng được khai thác từ 05 cây gỗ đã bị chặt hạ hay không; đồng thời chưa làm rõ khối lượng gỗ Râm và Bời Lời có nguồn gốc từ đâu để xác định khối lượng gỗ mà các bị cáo đã mua bán, tàng trữ. Theo giám định và bảng kê khối lượng, kích cỡ lóng gỗ, không phù hợp với biên bản hiện trường và lý lịch gỗ tại hiện trường.

[1.5] Căn cứ vào lời khai của Phàng Thị Q thì 5 cây gỗ này được trồng trên diện tích đất đã được cấp GCNQSD đất số BP 4350XX, ngày 30/11/2015 cho hộ ông Phàng Văn Ph và bà La Thị H (là bố mẹ của Q) với diện tích đất 13.281,3m²; và theo sơ đồ đất thì có cạnh giáp suối do ông Phàng Văn Pháng và bà La Thị H khai hoang từ năm 1987. Ngoài 05 cây gỗ trên thì xung quanh rẫy, gia đình bà còn trồng cây cà phê, tiêu, gỗ Téch. Cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án xác định vị trí 05 cây gỗ nằm trên đất thuộc quyền sở hữu và quản lý của UBND xã C, huyện E, nhưng không xem xét những cây gỗ này có từ khi nào, cây tự nhiên hay do ai trồng, chăm sóc, quản lý. Nếu 5 cây gỗ này xác định chủ sở hữu là UBND xã Cư Amung thì phải xác định UBND xã C là bị hại để quyết định trách nhiệm dân sự mới đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

[2] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót trong quá trình điều tra, xét xử mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang D, hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST, ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk để điều tra giải quyết lại vụ án.

[3] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên bị cáo Nguyễn Quang D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 Bộ luật tố Tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang D.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST, ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk để điều tra giải quyết lại vụ án.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Quang D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT - CA T.Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'Leo;
- VKSND huyện Ea H'Leo;
- Công an TP. huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- CQ THAHS Công an huyện E;
- Các Bị cáo;
- NTGTTK;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Văn Toàn